UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2013/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 04 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 19/TTr-TT ngày 31 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định về quản lý và giải quyết tố cáo quy định tại Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quy chế quản lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai*)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tố cáo, xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo và quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Những nội dung về tố cáo, xử lý đơn tố cáo và giải quyết tố cáo không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài tại Lào Cai trong việc tố cáo; cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc giải quyết tố cáo.

2. Người tố cáo và người thân thích của người tố cáo được bảo vệ; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc bảo vệ người tố cáo.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết tố cáo

Việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thuộc tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải có trách nhiệm:

1. Tổ chức tiếp công dân đến trình bày nội dung tố cáo.

2. Tiếp nhận, phân loại, xử lý và giải quyết các đơn tố cáo theo quy định tại Điều 20 Luật Tố cáo.

3. Đôn đốc, tổ chức thực hiện Thông báo kết luận tố cáo, Quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật thuộc trách nhiệm của mình.

4. Bảo vệ người tố cáo và người thân thích của người tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết tố cáo; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến việc tố cáo, giải quyết tố cáo theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ:

Thực hiện theo quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Tố cáo.

2. Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Tố cáo.

3. Thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực:

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Tố cáo.

Điều 6. Cử người đại diện trong trường hợp nhiều người cùng tố cáo

1. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo có cùng nội dung thì phải cử người đại diện đến trình bày nội dung tố cáo, người đại diện phải là người tố cáo. Trường hợp có từ 05 đến 10 người tố cáo thì cử 01 hoặc 02 người đại diện. Trường hợp có từ 10 người tố cáo trở lên thì có thể cử thêm người đại diện, nhưng không quá 05 người.

2. Việc cử người đại diện để trình bày nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Luật Tố cáo, Điều 5 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan (Nghị định số 76/2012/NĐ-CP).

Chương II
TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Điều 7. Việc tiếp nhận tố cáo

1. Nội dung tố cáo có thể được tiếp nhận trực tiếp qua việc tiếp công dân hoặc qua đường bưu điện.

a) Trường hợp tiếp nhận tố cáo trực tiếp thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì cán bộ tiếp công dân vào Sổ theo dõi tiếp nhận tố cáo;

Trường hợp người tố cáo cung cấp các giấy tờ, tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung tố cáo thì cán bộ tiếp công dân phải ghi giấy biên nhận hoặc biên bản tiếp nhận có chữ ký của người giao, người nhận và cấp cho người tố cáo 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ vụ việc;

Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp nhưng nội dung tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn người tố cáo đến tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết;

b) Trường hợp tiếp nhận đơn tố cáo qua đường bưu điện thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Đơn tố cáo từ các nguồn chuyển đến phải được tập trung vào một đầu mối, giao cho bộ phận tiếp công dân, bộ phận xử lý đơn của cơ quan hoặc Văn phòng (nếu không thành lập bộ phận tiếp công dân bộ phận xử lý đơn) để vào sổ theo dõi, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại quy chế này.

3. Cơ quan Thanh tra nhà nước các cấp có trách nhiệm thiết lập, công khai số điện thoại, hộp thư điện tử và địa chỉ tiếp nhận tố cáo về hành vi tham nhũng.

Điều 8. Xử lý đơn tố cáo của công dân

Sau khi nhận được đơn tố cáo của công dân, thủ trưởng cơ quan nhận đơn tố cáo tiến hành xử lý như sau:

1. Chỉ tiến hành xử lý đơn tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Chữ viết trong đơn là tiếng Việt, trường hợp là người nước ngoài tố cáo mà không biết tiếng việt thì đơn tố cáo phải được dịch sang tiếng Việt (bản dịch phải do cơ quan có thẩm quyền dịch thuật thực hiện).

b) Trong đơn ghi rõ họ tên, chữ ký tên trực tiếp hoặc dấu điểm chỉ, địa chỉ liên lạc của từng người tố cáo; số máy điện thoại liên lạc của từng người tố cáo (nếu có);

c) Nêu rõ tên cá nhân, cơ quan, tổ chức bị tố cáo;

d) Nội dung tố cáo rõ ràng, cụ thể; có căn cứ chứng cứ; nêu rõ hành vi, việc làm cụ thể bị tố cáo;

đ) Lời lẽ, câu từ dễ hiểu, rõ nghĩa, nghiêm túc; không dùng từ ngữ lăng mạ, xúc phạm, quy kết cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tố cáo.

2. Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý, nếu có yêu cầu. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo.

3. Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền của mình thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo phải chuyển đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo cùng các tài liệu do người tố cáo cung cấp (nếu có) cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, nếu người tố cáo có yêu cầu.

4. Người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau đây:

a) Đơn tố cáo không ghi rõ họ, tên, địa chỉ;

b) Đơn nặc danh, mạo danh, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký;

c) Tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới;

d) Tố cáo về vụ việc mà nội dung và những thông tin người tố cáo cung cấp không có cơ sở và điều kiện thực tế để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật;

đ) Tố cáo về vụ việc mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không đủ điều kiện để kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật, người vi phạm.

5. Trường hợp tố cáo cán bộ, công chức cơ quan, tổ chức nhà nước có hành vi, việc làm nhằm đặt ra điều kiện, yêu cầu, đòi hỏi giải quyết quyền lợi trực tiếp cho người tố cáo (bản chất là nội dung khiếu nại) thì xử lý theo quy định của Luật Khiếu nại.

6. Tố cáo do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc cơ quan báo chí chuyển đến, phải phân loại, xử lý và có văn bản phúc đáp lại cơ quan chuyển đơn trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được phiếu chuyển đơn.

7. Đối với tố cáo về hành vi tham nhũng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố cáo, phải chuyển tố cáo và hồ sơ tài liệu nhận được cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết; trường hợp tố cáo thuộc thẩm quyền của mình thì thụ lý, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người tố cáo khi có yêu cầu.

8. Tố cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý được thực hiện theo Quyết định số 190-QĐ/TW ngày 29 tháng 9 năm 2008 của Bộ Chính trị.

9. Trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo, nếu xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì cán bộ tiếp công dân, xử lý đơn báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để chuyển hồ sơ, tài liệu và những thông tin về vụ việc tố cáo đó cho cơ quan Điều tra hoặc Viện Kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì cán bộ tiếp công dân, xử lý đơn báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan Công an, cơ quan có trách nhiệm để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm.

11. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu do người tố cáo cung cấp có trách nhiệm giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin về danh tính cá nhân của người tố cáo; đồng thời phải áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin và bảo vệ cho người tố cáo.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC PHỐI HỢP XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP NHIỀU NGƯỜI CÙNG TỐ CÁO

Điều 9. Phối hợp xử lý trường hợp nhiều người tố cáo tập trung ở UBND xã, phường, thị trấn

1. Khi nhiều người tố cáo cùng tập trung ở UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã), thì Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch đi vắng) có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện của những người tố cáo để nghe trình bày nội dung tố cáo; giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện quyền tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp tố cáo phức tạp, hoặc theo lịch tiếp công dân, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền trực tiếp tiếp hoặc chủ trì, phối hợp với người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp có liên quan tiếp đại diện của những người tố cáo để nghe trình bày nội dung tố cáo; cử cán bộ, công chức ghi chép những nội dung tố cáo và tiếp nhận những tài liệu, chứng cứ mà người tố cáo cung cấp đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo Công an cấp xã giữ gìn trật tự công cộng nơi người tố cáo tập trung.

2. Chủ tịch UBND cấp xã thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật tố cáo thuộc thẩm quyền; nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

3. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với lực lượng bảo vệ, dân phòng bảo đảm trật tự công cộng nơi người tố cáo tập trung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng tố cáo tại các cơ quan thuộc UBND các huyện, thành phố

1. Khi nhiều người cùng tố cáo tập trung tại trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc UBND các huyện, thành phố (các cơ quan cấp huyện) (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này), Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo; giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện quyền tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp tố cáo phức tạp, Thủ trưởng cơ quan tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo.

Thủ trưởng cơ quan cấp huyện có trách nhiệm thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tố cáo thuộc thẩm quyền; đối với tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

2. Khi nhiều người cùng tố cáo tập trung tại UBND cấp huyện hoặc nơi tiếp công dân cấp huyện, người phụ trách tiếp công dân có trách nhiệm bố trí cán bộ tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo; giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện quyền tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Người trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân phải trực tiếp tiếp đại diện của những người tố cáo trong các trường hợp mà cán bộ tiếp công dân không thể đáp ứng được yêu cầu, đề nghị của người đại diện cho những người tố cáo; trường hợp cần thiết có thể yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc tố cáo và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người tố cáo tại trụ sở tiếp công dân của UBND cấp huyện.

3. Đối với vụ việc phức tạp, hoặc theo lịch tiếp công dân của UBND huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện trực tiếp hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan có liên quan trực tiếp tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo. Trường hợp cần thiết, yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã nơi xảy ra vụ việc tố cáo hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện người tố cáo tại trụ sở tiếp công dân của UBND cấp huyện.

4. Trưởng Công an cấp xã quản lý địa bàn nơi người tố cáo tập trung có trách nhiệm bảo đảm trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình tố cáo để tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình giải quyết tố cáo; thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng tố cáo tại các cơ quan cấp tỉnh

1. Khi nhiều người cùng tố cáo tập trung tại cơ quan cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh có trách nhiệm cử cán bộ tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung vụ việc; giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện quyền tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp tố cáo phức tạp, Thủ trưởng cơ quan tiếp, nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo.

Thủ trưởng cơ quan thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tố cáo thuộc thẩm quyền; đối với tố cáo không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

2. Khi nhiều người cùng tố cáo tập trung tại trụ sở UBND tỉnh hoặc Trụ sở tiếp công dân của tỉnh, Tổ tiếp công dân của tỉnh có trách nhiệm bố trí cán bộ tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo.

Cán bộ của Tổ tiếp công dân phải trực tiếp tiếp đại diện của những người tố cáo trong các trường hợp mà cán bộ tiếp công dân không thể đáp ứng được yêu cầu, đề nghị của người đại diện cho những người tố cáo; Trường hợp cần thiết có thể Cán bộ của Tổ tiếp công dân của tỉnh có quyền yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch

UBND cấp huyện nơi xảy ra vụ việc tố cáo và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người tố cáo tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh.

3. Đối với vụ việc phức tạp, hoặc theo lịch tiếp công dân của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan có liên quan trực tiếp tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung tố cáo. Trường hợp cần thiết, yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện nơi xảy ra vụ việc tố cáo hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người tố cáo.

4. Trưởng Công an huyện có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị phối hợp với Trưởng công an xã quản lý địa bàn nơi người tố cáo tập trung tổ chức bảo đảm trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm theo dõi, nắm tình hình tố cáo để tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình giải quyết tố cáo; thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV
BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO

Điều 12. Bảo vệ người tố cáo

1. Người tố cáo có quyền yêu cầu bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín, vị trí công tác, việc làm và các quyền nhân thân khác của người tố cáo và người thân thích của người tố cáo theo quy định tại Chương V Luật Tố cáo và các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP.

2. Yêu cầu bảo vệ của người tố cáo phải bằng văn bản. Trường hợp khẩn cấp, người tố cáo có thể yêu cầu trực tiếp bằng miệng hoặc thông qua các phương tiện thông tin khác, nhưng sau đó phải thể hiện ngay bằng văn bản.

3. Cơ quan tiếp nhận yêu cầu bảo vệ của người tố cáo có trách nhiệm lập hồ sơ vụ việc để theo dõi và xử lý, giải quyết theo quy định;

a) Trong quá trình tiếp nhận, thụ lý, giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo; đồng thời phải áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin và bảo vệ cho người tố cáo. Khi nhận được thông tin người tố cáo bị đe dọa, trù dập, trả thù, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có biện pháp bảo vệ người tố cáo, làm rõ hành vi đe dọa, trù dập, trả thù người tố cáo để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Trong quá trình giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi phát hiện người không có thẩm quyền có hành vi thu thập thông tin về người tố cáo thì có trách nhiệm báo cho người giải quyết tố cáo biết. Người giải quyết tố cáo khi nhận được tin báo có trách nhiệm áp dụng biện pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc xử lý đối với người có hành vi vi phạm.

Điều 13. Việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các quyền nhân thân khác của người tố cáo và người thân thích của người tố cáo

1. Cơ quan giải quyết tố cáo, cơ quan công an có thẩm quyền có trách nhiệm cùng phối hợp và áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14; Khoản 3 Điều 15; Khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 76/2012/NĐ-CP để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các quyền nhân thân khác của người tố cáo và người thân thích của người tố cáo.

2. Trường hợp xác định việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người được bảo vệ có nguy cơ tái diễn, cơ quan công an có thẩm quyền ban hành quyết định bảo vệ, xây dựng kế hoạch bảo vệ và áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 của Luật Tố cáo, Khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 76/2012/NĐ-CP.

Điều 14. Việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người tố cáo, người thân thích của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc theo hợp đồng lao động mà không phải là viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi có căn cứ cho rằng việc tố cáo của mình bị người có thẩm quyền quản lý, sử dụng trù dập, phân biệt đối xử hoặc thuyên chuyển công tác dẫn đến giảm thu nhập, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có văn bản yêu cầu người giải quyết tố cáo áp dụng các biện pháp theo quy định để bảo vệ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bảo vệ, người giải quyết tố cáo giao cơ quan xác minh, kết luận tố cáo kiểm tra, xác minh, đề xuất biện pháp xử lý. Thời hạn kiểm tra, xác minh là 05 ngày làm việc. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra, xác minh và áp dụng các biện pháp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP nếu yêu cầu của người tố cáo là chính đáng.

2. Người làm việc theo hợp đồng lao động mà không phải là viên chức khi có căn cứ cho rằng việc tố cáo của mình bị người sử dụng lao động trù dập, phân biệt đối xử hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có văn bản yêu cầu tổ chức công đoàn cơ sở, cơ quan quản lý lao động hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ở địa phương nơi người tố cáo, người thân thích của người tố cáo làm việc có biện pháp bảo vệ. Yêu cầu bảo vệ phải bằng văn bản.

3. Tổ chức công đoàn cơ sở, cơ quan quản lý lao động hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ở địa phương khi nhận được văn bản yêu cầu của người tố cáo có trách

nhiệm kiểm tra, xử lý và áp dụng các biện pháp bảo vệ theo thời gian và quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 15. Quản lý Nhà nước về tố cáo

Nội dung quản lý Nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh bao gồm:

1. Ban hành các văn bản pháp quy, các quyết định hành chính cụ thể theo thẩm quyền về công tác giải quyết tố cáo.

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành pháp luật về giải quyết tố cáo.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ quan trong việc thực hiện Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành theo kế hoạch, định kỳ và đột xuất.

4. Thực hiện việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đồng thời thi hành xử lý tố cáo theo thông báo kết quả giải quyết tố cáo và quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật.

5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết tố cáo; quy định điều kiện làm việc và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết tố cáo đã được cấp có thẩm quyền chỉ đạo, phê duyệt.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết tố cáo.

7. Tổng kết kinh nghiệm, các chuyên đề về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tố cáo.

Điều 16. Chế độ báo cáo và công tác phối hợp trong quản lý Nhà nước về giải quyết tố cáo

1. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi thẩm quyền, có trách nhiệm chủ động phối hợp với lực lượng Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp trong công tác giải quyết tố cáo.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc các sở, ngành tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các tổ chức, đơn vị trực thuộc tỉnh có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh.

Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất theo Thông tư số: 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ về việc Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng (cụ thể thực hiện theo chế độ báo được quy định tại Quy chế Quản lý và giải quyết khiếu nại).

Điều 17. Trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trong công tác quản lý và giải quyết tố cáo

Các cơ quan Thanh tra (Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện, Thanh tra sở, ngành) có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp trong việc tiếp công dân, xử lý đơn tố cáo, giải quyết tố cáo, thi hành Quyết định xử lý tố cáo.

2. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp dưới của Thủ trưởng cùng cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Thủ trưởng cùng cấp triệu tập Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp dưới họp để đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc tố cáo phức tạp.

3. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật về tố cáo thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý.

4. Kiến nghị các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác giải quyết tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp.

5. Tổng hợp tình hình tố cáo và việc giải quyết tố cáo thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng cùng cấp; thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn đối với giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai và Đại biểu Quốc hội về công tác giải quyết tố cáo

1. Thủ trưởng các cơ quan khi nhận được yêu cầu báo cáo tình hình giải quyết tố cáo của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời theo đúng yêu cầu của Đoàn.

2. Khi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai tổ chức giám sát việc giải quyết tố cáo, phát hiện vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân và kiến nghị phải áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, thực hiện.

Điều 19. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn đối với giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân về công tác giải quyết tố cáo

1. Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra các huyện có trách nhiệm tổng hợp tình hình giải quyết tố cáo ở địa phương, trình UBND cùng cấp để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường kỳ.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh khi nhận được yêu cầu kiểm tra công tác giải quyết tố cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo theo đúng yêu cầu.

Điều 20. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn đối với giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận về công tác giải quyết tố cáo

Thủ trưởng các cấp, các cơ quan thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm thực hiện sự giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo quy định tại Điều 44 Luật Tố cáo.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khen thưởng

Người có thành tích trong việc tố cáo được khen thưởng theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Người giải quyết tố cáo có hành vi quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật Tố cáo hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật trong việc giải quyết tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người có trách nhiệm chấp hành quyết định xử lý tố cáo không chấp hành thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mà không áp dụng biện pháp cần thiết để xử lý kịp thời đối với người giải quyết tố cáo có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Người tố cáo và những người khác có liên quan có hành vi quy định tại các khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, Điều 8, Luật Tố cáo hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

DANH SÁCH

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo công tác tiếp công dân và giải quyết tố cáo đến UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39/2013/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

3, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

4, Công an tỉnh.

5, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

6, Sở Tài chính.

7, Sở Khoa học và Công nghệ.

8, Sở Công thương.

9, Sở Giao thông vận tải.

10, Sở Tài nguyên và Môi trường.

11, Sở Y tế.

12, Sở Lao động TB&XH.

13, Sở Thông tin và Truyền thông.

14, Sở Xây dựng.

15, Sở Nông nghiệp và PTNT.

16, Sở Giáo dục và Đào tạo.

17, Sở Nội vụ.

18, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

19, Sở Tư pháp.

20, Tổ tiếp công dân của tỉnh.

21, Ban Dân tộc.

22, Trung tâm Xúc tiến đầu tư – Thương mại và du lịch tỉnh Lào Cai.

23, Ban quản lý các cửa khẩu tỉnh Lào Cai.

24, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai.

25, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Lào Cai.

26, Vườn Quốc gia Hoàng Liên.

27, Đài Phát Thanh và Truyền hình tỉnh Lào Cai.